

Cumulative Statistics

누적 통계

VIE - Vietnam

After 1 match

No.	Name	Pos	PRK 0:5 (0:4)	Min	GF	GA	SG/S	PK	Fouls		Y	Red Cards	
									FC	FS		2Y=R	R
1	DANG Thi Kieu Trinh	GK	90	90		5				2			
2	NGUYEN Thi Xuyen	DF	90	90					2				
3	NGUYEN Thi Mai	DF	0	0									
4	TRAN Thi Hong Nhung	DF	7	7									
5	BUI Thi Nhu	DF	90	90					2	2			
6	PHAM Hoang Quynh	MF	0	0									
7	NGUYEN Thi Tuyet Dung	MF	90	90						2			
8	NGUYEN Thi Lieu	MF	90	90			0/1			3			
9	TRAN Thi Thuy Trang	MF	31	31									
10	PHAM Hai Yen	FW	0	0									
11	NGUYEN Thi Nguyet	MF	90	90			1/1			2			
12	VU Thi Nhung	DF	0	0									
13	NGUYEN Thi Muon	FW	90	90						1			
14	le Thi Tuyet Mai	GK	0	0									
15	NGUYEN Thi Ngoc Anh	DF	90	90					1				
16	NGUYEN Thi Thanh	MF	59	59					1				
17	NGUYEN Hai Hoa	DF	83	83						2			
18	NGUYEN Thi Minh Nguyet	FW	90	90			0/1						
Totals						5	1/3		6	14			

Corner Kicks:	1
Free Kicks:	4
Offsides:	0
Penalty Kicks Against (Goals/Shots):	2/3
Own Goals:	0
Own Goals Against:	0

LEGEND			
2Y=R	2nd Yellow = Red Card	A	Absent
DSQ	Disqualified	FC	Fouls Committed
GA	Goals Against	GF	Goals For
MF	Midfielder	Min	Minutes Played
Pos	Position	PSO	Penalty Shoot-out
SG/S	Shots on Goal/Shots	Y	Yellow Cards(Cautions)
AET	After Extra Time	DF	Defender
FS	Fouls Suffered	FW	Forward
GK	Goal Keeper	I	Injured
N	Not Eligible to Play	PK	Penalty Kicks (Goals/Shots)
R	Red Cards(Expulsions)	S	Substitute

Timing and Results provided by Tissot